

CHIA SẺ NỘI BỘ

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC BỔ SUNG CHỨC DANH CÔNG VIỆC

- Căn cứ vào Nghị định 293/2025/NĐ-CP về việc “Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo HĐLĐ”.
- Căn cứ vào khả năng tài chính của Công ty.
- Căn cứ vào quyền hạn của BTGD.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC THÔNG BÁO:

Điều 1. Kể từ 01/09/2026, mức lương căn bản tại công ty sẽ được **bổ sung** theo quy định như sau:

- Mức lương tối thiểu mà công ty áp dụng: **5,310,000 vnd/ tháng**
- Mức lương tối thiểu vùng II theo nghị định 293/2025/NĐ-CP: **4,730,000 vnd/tháng**
- Bảng lương cụ thể như sau:

1.1 Bảng lương nhân viên / công nhân sản xuất

NHÓM 1: Lao động giản đơn

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
Thử việc	5,045,000	5,298,000	5,563,000	5,841,000	6,134,000	6,441,000	6,763,000	7,101,000	7,456,000	7,829,000
Chính thức	5,310,000	5,576,000	5,855,000	6,148,000	6,456,000	6,779,000	7,118,000	7,474,000	7,848,000	8,241,000

NHÓM 2: Lao động làm công việc nặng nhọc/ độc hại

Nhân viên: tạp vụ; nhà ăn;

Công nhân: quét xử lý; chỉnh lý phun sơn; bẻ nhãn in chuyển; khoan dếp lạo; bắt quai; gò eo; gò gót; dán đế; xịt bụi trong phòng mài; chiếu xạ; quét keo; dán dếp.

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
Thử việc	5,401,000	5,672,000	5,956,000	6,254,000	6,568,000	6,897,000	7,241,000	7,604,000	7,985,000	8,385,000
Chính thức	5,685,000	5,970,000	6,269,000	6,583,000	6,913,000	7,259,000	7,622,000	8,004,000	8,405,000	8,826,000

NHÓM 3: Lao động qua đào tạo

Nhân viên: kho vật liệu; điều phối kho trung gian, QIP, trợ lý các phân xưởng;

Công nhân: bán thành phẩm; footbed, máy xuất tấm cán luyện; máy ép nhiệt; phụ chuyên; hàng bù, **đóng gói tự kiểm.**

Công nhân thuộc phun sơn: dán băng keo, dán giấy

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
Thử việc	5,490,000	5,764,000	6,053,000	6,356,000	6,674,000	7,009,000	7,359,000	7,728,000	8,114,000	8,521,000
Chính thức	5,778,000	6,067,000	6,371,000	6,690,000	7,025,000	7,377,000	7,746,000	8,134,000	8,541,000	8,969,000

NHÓM 4: Lao động qua đào tạo và làm công việc nặng nhọc/ độc hại

Nhân viên: kho vật liệu phụ trách kho hóa chất; nấu ăn;

Thợ: bế hình (ép nhiệt); mài; pha keo; pha sơn; gò mũi; dập cắt; bắn lazer; lò hơi; máy trộn; máy cán; máy ben; mài nhám bán thành phẩm; máy cán dán, máy nghiền phế; cân hóa chất; cân NVL; tạo hạt; bồn trộn liệu.

Quét keo đặc biệt; dán dép đặc biệt (áp dụng cho các mã hài, giày thể thao, giày sandal).

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
Thử việc	5,736,000	6,023,000	6,324,000	6,640,000	6,973,000	7,321,000	7,688,000	8,073,000	8,476,000	8,901,000
Chính thức	6,037,000	6,339,000	6,656,000	6,989,000	7,339,000	7,706,000	8,092,000	8,497,000	8,922,000	9,369,000

NHÓM 5: Lao động đặc biệt qua đào tạo làm công việc nặng nhọc/ độc hại

Thợ may, công thức EVA, sữa màu, thợ định hình dao cắt; thợ đánh wash, thợ kéo lụa, thợ bế hình (cắt keo TPU), thợ phun sơn.

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
Thử việc	5,979,000	6,278,000	6,593,000	6,922,000	7,269,000	7,633,000	8,015,000	8,416,000	8,836,000	9,279,000
Chính thức	6,293,000	6,608,000	6,939,000	7,286,000	7,651,000	8,034,000	8,436,000	8,858,000	9,301,000	9,767,000

1.2 Bảng lương nhân viên văn phòng**NHÓM 6: Nhân viên thừa hành**

Hành chánh, R&D, Phòng thử nghiệm, Tính giá thành, Bảo vệ, ME, QIP văn phòng, Điều phối, Đặt hàng, Công vụ/công trình/Bảo trì, Duyệt giá công trình, Đặt hàng tổng vụ, Kiểm tra, Trợ lý Cơ điện, Trợ lý nhà ăn, Kho vật liệu ERP/in tem.

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
Thử việc	6,019,000	6,320,000	6,636,000	6,969,000	7,317,000	7,684,000	8,069,000	8,473,000	8,896,000	9,342,000
Chính thức	6,335,000	6,652,000	6,985,000	7,335,000	7,702,000	8,088,000	8,493,000	8,918,000	9,364,000	9,833,000

NHÓM 7: Nhân viên Nghiệp vụ

Xuất nhập khẩu, Hải Quan, Nghiệp vụ, Kế toán, Cơ điện, Sửa chữa, Trợ lý Ban tổng giám đốc, Trợ lý phiên dịch, Y tế, Vi tính, R&D dập khuôn, VR, HR, CR, Tài xế.

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
Thử việc	6,384,000	6,704,000	7,039,000	7,391,000	7,761,000	8,150,000	8,557,000	8,986,000	9,435,000	9,907,000
Chính thức	6,720,000	7,056,000	7,409,000	7,780,000	8,169,000	8,578,000	9,007,000	9,458,000	9,931,000	10,428,000

❖ Lưu ý:

- Đối với các CB-CNV không có tay nghề khi nhận việc sẽ được áp dụng bậc 1
- Đối với các CB-CNV có tay nghề khi nhận việc sẽ do chủ quản xem xét tùy theo năng lực tương ứng với các bậc như mục 1.1 và 1.2.

Điều 2. Các chức danh công việc còn lại sẽ được điều chỉnh tương ứng theo thang bảng lương.

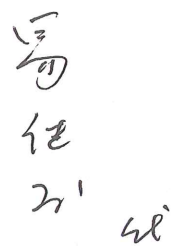
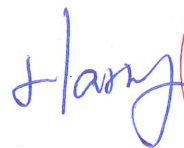
Chủ quản các Bộ phận phân xưởng có trách nhiệm giải thích cho cán bộ công nhân viên trong bộ phận phân xưởng mình hiểu rõ nội dung thông báo này. Nếu có vấn đề không rõ hoặc ngoài khả năng giải quyết có thể liên hệ Bộ Phận HR theo số điện thoại nội bộ 1394 để được hướng dẫn thêm.

Thông báo này được phổ biến đến toàn thể CB-CNV biết để thực hiện và có hiệu lực từ ngày **01/09/2026**.

Nơi gửi:

- Các BP-PX;

- Lưu,

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 總經理部				
HIỆP LÝ CHẤP HÀNH	HIỆP LÝ	HIỆP LÝ CHẤP HÀNH	GIÁM ĐỐC HÀNH CHÍNH	TỔNG GIÁM ĐỐC
BU-1	BU-2	BU-3	GMO	General Manager
			 	
CHEN, YIN FU	HU, JUI LIN	PAN, CHUN CHIEH	CHO, MING TE	SHIH, WUU TYAN

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC PHỔ BIẾN THÔNG TIN 資訊發佈規定		
Số TT 次序	Các hình thức thông tin 發佈方式	BP-PX phụ trách 負責的部門現場
1	Gửi e mail 發送 email	HR 人資部門
2	Dán bảng tin 張貼於公佈欄	BP-PX/ Công đoàn 部門現場/工團
3	Họp phổ biến trực tiếp 直接開會發佈	HR/ BP-PX/ Công đoàn 人資部門/ 部門現場/工團
4	Phát thanh tại BP-PX 車間廣播	BP-PX 部門現場
5	Phát thanh tại nhà ăn 餐廳廣播	Hành chánh 行政

LỊCH SỬ TÀI LIỆU

Ngày	Số thông báo	Nội dung
22/08/2026	A04-ADMHRMA-2026-062	Bổ sung chức danh công việc
26/12/2025	A04-JSGHRMA-2025-100	Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2026
01/09/2025	A04-JSGHRMA-2025-054	Điều chỉnh chức danh công việc: - Thợ phun sơn từ nhóm 4 sang nhóm 5 - CN dán băng keo, dán giấy thuộc bộ phận Phun sơn chuyển từ nhóm 1 sang nhóm 3
01/07/2024	A04-JSGHRMA-2024-001	Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2024 và tăng tiền xăng xe.
16/05/2024	580	Bổ sung chức danh lương
08/09/2023	532	Bổ sung mức lương thử việc
22/06/2022	429	Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2022
01/01/2020	285	Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2020
01/01/2019	247	Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2019
01/01/2018	216	Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2018
01/01/2017	191	Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2017

